

TÁC ĐỘNG CỦA PHÁT TRIỂN KINH TẾ NÔNG NGHIỆP ĐẾN MÔI TRƯỜNG SINH THÁI TỈNH ĐỒNG THÁP

ThS. Võ Thị Tuyết Hoa^(*)

Dồng Tháp thuộc khu vực Đồng bằng sông Cửu Long, có một phần diện tích thuộc Đồng Tháp Mười, tổng diện tích tự nhiên là 3.374 km², trong đó đất sản xuất chiếm 276.206 ha; dân số 1,7 triệu người, với hơn 82,73% sinh sống ở nông thôn, 73,59% lao động nông nghiệp. Giá trị sản xuất nông nghiệp chiếm trên 50% trong cơ cấu sản lượng kinh tế. Sản xuất nông nghiệp là nguồn thu nhập chính của đại đa số người dân nông thôn.

Trong những năm qua, Đồng Tháp đã

khai thác, sử dụng có hiệu quả tiềm năng và lợi thế để phát triển kinh tế nông nghiệp, đóng góp đáng kể vào chương trình đảm bảo an ninh lương thực quốc gia; đồng thời tạo ra sự biến đổi mạnh mẽ cơ cấu kinh tế nông nghiệp theo hướng: khu vực nông, lâm, thủy sản trong cơ cấu kinh tế chung của tỉnh ngày càng giảm (*xem Bảng*) nhưng giá trị sản xuất ngày một tăng:

- *Trồng trọt*: phát triển ngày càng đi vào chiều sâu với việc thâm canh, tăng vụ, đẩy nhanh ứng dụng các thành tựu khoa học

Bảng: Tỷ trọng sản xuất nông, lâm, thủy sản trong cơ cấu kinh tế tỉnh Đồng Tháp⁽¹⁾

Năm	2000	2005	2006	2007	2008	2009	2010
Tỷ trọng (%)	64,65	57,78	56,81	51,24	46,96	44,03	40,75

^(*) Trường Chính trị Đồng Tháp

⁽¹⁾ Nguồn: Báo cáo tổng kết phát triển kinh tế nông nghiệp và nông thôn của Sở NN&PTNT tỉnh Đồng Tháp qua các năm (2001, ..., 2010)

kỹ thuật vào sản xuất, góp phần giảm chi phí, hạ giá thành, nâng cao năng suất, sản lượng và chất lượng nông sản hàng hoá. Sản lượng lúa tăng liên tục, từ 1,9 triệu tấn

năm 2001 lên 2,6 triệu tấn năm 2005, đến năm 2008 là 2,72 triệu tấn và năm 2010, sản lượng đạt 2,80 triệu tấn, tăng 156.573 tấn so năm 2009⁽¹⁾. Diện tích hoa màu, cây công nghiệp ngắn ngày và diện tích vườn cây ăn trái liên tục được mở rộng, với các loại cây trồng phù hợp nhu cầu của thị trường; đặc biệt đã hình thành được nhiều mô hình sản xuất chuyên canh, tập trung mang lại hiệu quả kinh tế cao.

- *Chăn nuôi*: chăn nuôi gia súc, gia cầm phát triển tương đối mạnh. Năm 2005, tổng đàn heo có trên 317.000 con, gấp 1,63 lần năm 2000, đàn bò trên 29.382 con, gấp 8 lần, riêng đàn gia cầm giảm còn 3,1 triệu con do ảnh hưởng dịch cúm. Năm 2009, chăn nuôi gia súc, gia cầm tiếp tục duy trì và phát triển, trong đó chăn nuôi trang trại, nuôi công nghiệp có xu hướng tăng lên. Năm 2010, chăn nuôi vẫn tiếp tục phát triển nhưng do ảnh hưởng của dịch bệnh nên sản lượng có giảm so với năm 2009.

- *Thủy sản*: có bước phát triển vượt bậc do phát huy tốt lợi thế đất bãi bồi ven sông nuôi cá tra xuất khẩu, bước đầu hình thành vùng nguyên liệu tập trung, có chất lượng, đáp ứng cho công nghiệp chế biến và phục vụ cho nhu cầu xuất khẩu thủy sản của tỉnh. Năm 2005, tổng sản lượng thủy sản đạt 102.158 tấn (trong đó, nuôi trồng 82.855 tấn, chiếm trên 81%, gấp 2,39 lần so với năm 2000). Năm 2009, diện tích nuôi trồng thủy sản toàn tỉnh đạt 6.880 ha, sản lượng nuôi đạt 296.818 tấn. Năm 2010, thủy sản duy trì phát triển, với diện tích nuôi trồng 7.872 ha, bằng 94% kế hoạch (nuôi cá tra 1.872 ha); tổng sản lượng thủy sản là:

345.578 tấn, trong đó, sản lượng thủy sản nuôi là 331.373 tấn (cá tra, basa 283.893 tấn, tôm càng xanh 1.727 tấn), sản lượng thủy sản khai thác là 14.205 tấn⁽²⁾. Toàn tỉnh hiện có 172 cơ sở sản xuất - kinh doanh giống thủy sản, 05 trại giống cấp huyện, 01 trung tâm giống cấp tỉnh và khoảng 2.000 hộ ương giống, cung cấp khoảng 1.313 tỷ con cá tra bột, 150 triệu post tôm càng xanh và 63 triệu con cá giống các loại khác cho nuôi trồng trong tỉnh và vùng Đồng bằng sông Cửu Long.

- *Lâm nghiệp*: tiếp tục được đầu tư phát triển theo các chương trình, dự án với mục tiêu bảo tồn sinh thái vùng Đồng Tháp Mười, chắn sóng, chắn gió, tăng diện tích che phủ, nâng cao hiệu quả sử dụng quỹ đất lâm nghiệp của địa phương. Diện tích rừng tập trung đang có xu hướng giảm do hiệu quả sản xuất thấp. Mỗi năm, bình quân trồng cây phân tán từ 4,5-5 triệu cây, đến năm 2006 toàn tỉnh đạt khoảng 85 triệu cây, tăng gần 30 triệu cây so năm 2000. Trong năm 2008, các chủ rừng trong tỉnh trồng được 376 ha rừng tập trung và hơn 5 triệu cây phân tán các loại, góp phần phòng hộ lũ lụt, bảo vệ các cụm tuyến dân cư, các công trình giao thông, cơ sở hạ tầng khác... Năm 2010, toàn tỉnh có 8.378 ha diện tích rừng tập trung, trong đó, rừng đặc dụng 3.109 ha, rừng phòng hộ 1.130 ha, rừng sản xuất 4.139 ha; trồng cây phân tán 5 triệu cây.

Tuy nhiên, bên cạnh những thành tựu đạt được, quá trình phát triển sản xuất nông nghiệp Đồng Tháp thời gian qua cũng tạo ra những tác động xấu đến môi trường sinh thái của tỉnh Đồng Tháp. Có thể kể đến những hoạt động sản xuất nông nghiệp có ảnh hưởng tiêu cực đến môi trường sinh thái:

*** Trong hoạt động trồng trọt, chăn nuôi**

- *Tình hình sử dụng phân bón, thuốc trừ sâu trong trồng trọt*: Tại tỉnh Đồng Tháp, trong những năm gần đây, việc hướng dẫn sử dụng hợp lý thuốc bảo vệ thực vật được

⁽¹⁾ Nguồn: Báo cáo tổng kết phát triển kinh tế nông nghiệp và nông thôn của Sở NN&PTNT tỉnh Đồng Tháp qua các năm (2001, ..., 2010)

⁽²⁾ Báo cáo tình hình phát triển kinh tế - xã hội năm 2010 và kế hoạch năm 2011 của UBND tỉnh Đồng Tháp

triển khai đến tận các hộ nông dân thông qua hoạt động khuyến nông – IPM. Tuy nhiên, qua kiểm tra, dư lượng thuốc bảo vệ thực vật trên cây trồng vẫn vượt tiêu chuẩn cho phép. Sau đây là các thống kê về số lần sử dụng thuốc bảo vệ thực vật trên cây nông nghiệp và rau: Với cây lúa, thường sử dụng thuốc trừ cỏ: 1 lần/vụ, thuốc trừ sâu: 1 - 2 lần/vụ, thuốc trị bệnh: 2 - 4 lần/vụ; Với hoa màu, sử dụng thuốc trừ sâu: 5 - 7 lần/vụ, thuốc trị bệnh: 1 - 2 lần/vụ; Cây ăn trái như: cam, quýt: 15 - 20 lần/vụ; xoài: 10 - 15 lần/vụ; nhãn: 6 - 8 lần/vụ.

Khi thấy tình hình sâu bệnh phức tạp, ảnh hưởng đến năng suất cây trồng, người nông dân đã dùng các loại thuốc khác nhau để tiêu diệt chúng. Do vậy, tình trạng sử dụng thuốc bảo vệ thực vật tùy tiện, không theo quy trình khá phổ biến.

Việc sử dụng thuốc bảo vệ thực vật quá liều lượng, không đúng thời điểm không những làm giảm hiệu quả kinh tế, giảm hiệu lực trừ sâu bệnh mà còn làm ô nhiễm môi trường. Lượng thuốc bảo vệ thực vật thừa sẽ hòa tan trong nước, không khí, ngấm vào đất, với mật độ cao, mùi nồng nặc đã làm cho nguồn nước, đất, không khí bị ô nhiễm. Bên cạnh những tác hại trực tiếp thì nguy cơ lâu dài là làm cho đất dần trở nên bị thoái hóa, mất chất dinh dưỡng.

- *Trong chăn nuôi gia súc, gia cầm:* Ngày nay, khi Nhà nước đang cố gắng hướng người dân tới việc xây dựng các khu chăn nuôi tập trung hình thức trang trại, nuôi công nghiệp, gắn với các cơ sở chế biến và xử lý chất thải thì chăn nuôi theo quy mô hộ gia đình vẫn đang chiếm vị trí đáng kể tại Đồng Tháp và hoạt động của các hộ vi phạm nghiêm trọng quy định về bảo vệ môi trường, môi sinh của Nhà nước.

Theo Quyết định số 51/2008/QĐ-BNN của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành ngày 14/04/2008 về các chỉ số theo dõi, đánh giá nước sạch và vệ sinh

môi trường nông thôn, tiêu chí chuồng trại hợp vệ sinh trong chăn nuôi gia súc, gia cầm được quy định như sau:

+ Tỷ lệ gia đình có chuồng trại hợp vệ sinh = (Số hộ chăn nuôi gia súc có chuồng trại hợp vệ sinh: Tổng số hộ chăn nuôi gia súc) × 100%;

+ Chuồng trại nằm cách biệt với nhà ở;

+ Chất thải chăn nuôi được quản lý và xử lý hợp lý.

Tuy nhiên, hiện nay, hầu hết chuồng nuôi heo và gà, vịt được xây dựng ngay phía sau nhà, ngay tại bờ sông và kênh rạch. Chuồng trại đều được xây dựng rất đơn sơ, chất thải của gia súc, gia cầm không được xử lý và thải thẳng xuống nguồn tiếp nhận, gây ô nhiễm môi trường nước và không khí nghiêm trọng. Một số ít hộ gia đình có hầm biogas để xử lý chất thải trong nuôi heo, tuy nhiên việc xử lý ô nhiễm môi trường bằng phương pháp biogas lại đang trong tình trạng quá tải, chỉ giải quyết được khoảng 20% lượng phân thải ra. Nếu không có giải pháp kịp thời thì tình trạng ô nhiễm môi trường ngày càng trở nên trầm trọng.

*** Trong nuôi trồng thủy sản nước ngọt**

Cùng với việc bùng nổ ngành nuôi trồng thủy sản nước ngọt là tình hình môi trường ngày càng ô nhiễm nghiêm trọng:

+ *Loại hình nuôi cá tra ao:* Theo tính toán thực tế chỉ khoảng 17% thức ăn được cá hấp thu và phần còn lại (khoảng 83%) hòa lẫn trong môi trường nước, trở thành các chất hữu cơ phân hủy. Phần lớn các hộ nuôi cá đều tự phát, không sử dụng bất kỳ một phương pháp quản lý môi trường và thiếu hiểu biết về nguy cơ làm ô nhiễm nguồn nước do chính hoạt động sản xuất của họ gây ra.

Theo *Báo cáo tình hình ô nhiễm môi trường do nuôi thủy sản trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp* của Sở Tài nguyên và Môi trường, nước ở hầu hết các ao nuôi cá trong Tỉnh đều có:

- BOD cao, từ 39 - 110 mg/l (vượt tiêu chuẩn 10 - 26 lần);
- COD cao, từ 47 - 165 mg/l (vượt tiêu chuẩn 5 - 16 lần);
- Lượng oxy hòa tan DO thấp, dưới 4 mg/l;
- Lượng chất rắn lơ lửng SS từ 61 - 186 mg/l (vượt tiêu chuẩn 3 - 10 lần);
- Coliform cao, trên 20.000 MNP/100ml (vượt tiêu chuẩn 4 - 5 lần);
- H₂S lớn hơn 9 mg/l do thức ăn thừa và chất thải của cá.

Nước này thải ra nguồn tiếp nhận mà không qua xử lý sẽ làm ô nhiễm nguồn nước. Sự hiện diện khá cao hàm lượng H₂S và lượng oxy hòa tan thấp trong nước ao là một trong những nguyên nhân làm cá chết, nhất là đối với một số loài nhạy cảm.

+ *Loại hình nuôi bèo*: Việc neo đậu bèo quá dày, chưa tuân thủ theo tiêu chuẩn của ngành. Các hộ nuôi sinh sống trực tiếp trên bèo cá, mọi chất thải sinh hoạt cộng với chất thải nuôi cá đã gây ô nhiễm nghiêm trọng cho môi trường nước.

Chất lượng nước ở khu vực các bèo cá trên sông có mức độ ô nhiễm tăng so với khu vực không nuôi cá. Cụ thể, khảo sát nước sông khu vực bèo cá đều có:

- BOD cao, từ 6 - 12 mg/l (vượt tiêu chuẩn 1,5 - 3 lần);
- COD cao, từ 12 - 31 mg/l (vượt tiêu chuẩn 1,2 - 3 lần);
- DO thấp, từ 1,85 - 2,36 mg/l (thấp hơn tiêu chuẩn 0,3 - 0,4 lần);
- SS cao, từ 21 - 134 mg/l (vượt tiêu chuẩn 1,05 - 6,7 lần);
- NH₃(N) cao, từ 0,072 - 3,780 mg/l (vượt tiêu chuẩn 1,4 - 75,6 lần);
- NO₂⁻(N) cao, từ 0,012 - 0,421 mg/l (vượt tiêu chuẩn 1,2 - 42 lần);
- Fe tổng cao, từ 1,26 - 3,29 mg/l (vượt

tiêu chuẩn 1,3 - 3,3 lần);

- Tổng Coliform cao, từ 9.300 - 240.000 MPN/100ml (vượt tiêu chuẩn 1,9 - 48 lần).

Nhìn chung, các chỉ tiêu vượt tiêu chuẩn có thể xuất phát từ những nguyên nhân như: chất thải từ các bè cá; lượng thức ăn dư thừa từ các bè cá; xác cá chết bị vớt bờ bãi ra sông, rạch...

+ *Loại hình nuôi tôm càng xanh*: Năm 2000, sản lượng tôm nuôi là 315 tấn, năm 2007 là 898 tấn, năm 2010 sản lượng là 1.727 tấn⁽¹⁾. Theo tính toán, 1 kg tôm cần 1,4 kg thức ăn cho đến khi thu hoạch. Với ao nuôi diện tích 1ha, 1 tháng sẽ có 4 lần thay nước (nước được bơm ra khỏi ao sao cho mực nước trong ao giảm xuống khoảng 1/3 chiều cao mực nước, nước ngoài sông sẽ được bơm vào). Như vậy, trung bình 1 ha nuôi tôm, sau mỗi vụ thu hoạch, có khoảng 213.312 m³ nước chưa được xử lý thải ra sông.

* **Trong lâm nghiệp**

Thời gian qua, diện tích rừng tập trung của Tỉnh có xu hướng giảm, do nhiều chủ rừng sau khi khai thác không trồng lại rừng, vì doanh thu không bù đắp được chi phí đã đầu tư trồng rừng; đồng thời việc chặt phá rừng bờ bãi vẫn còn phổ biến. Vì thế, làm mất nguồn cung cấp nước tự nhiên cho các tầng nước ngầm, khiến cho mực nước ngầm sụt giảm, làm giảm nguồn cung cấp nước ngọt cho dân cư trong vùng. Hơn thế nữa, khi mực nước ngầm bị sụt giảm nghiêm trọng sẽ dẫn đến những sự cố môi trường như: sự xâm nhập mặn vào các tầng nước ngầm, hiện tượng sụt lún bề mặt... Bên cạnh đó, chặt phá rừng bờ bãi làm cho rừng mất đi, cũng đồng nghĩa với những lớp chắn gió, chắn sóng không còn nữa làm cho cường độ giông bão càng mạnh hơn. Hậu quả là không chỉ gây thiệt hại về tính mạng con người và tài sản, mà còn làm mất đi nguồn tài nguyên đất (do bị lũ cuốn trôi). Năm 2010, mặc dù đã chủ động trong công tác phòng cháy, chữa cháy rừng, nhưng trên

⁽¹⁾ Báo cáo tổng kết phát triển kinh tế nông nghiệp và nông thôn của Sở NN&PTNT tỉnh Đồng Tháp qua các năm (2000, 2007, 2010)

địa bàn Tỉnh đã xảy ra 08 vụ cháy rừng và đồng cỏ, tổng diện tích thiệt hại là 389,625 ha (trong đó có 130,375 ha rừng tràm và 259,25 ha đồng cỏ)⁽¹⁾.

Có thể thấy, hoạt động sản xuất nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp thời gian qua có nhiều ảnh hưởng tiêu cực đến môi trường sinh thái: môi trường đất, nước bị ô nhiễm nghiêm trọng, ảnh hưởng đến sự phát triển bền vững của sản xuất nông nghiệp cũng như kinh tế – xã hội của toàn tỉnh.

Trước tình hình đó, để Đồng Tháp phát triển bền vững kinh tế nông nghiệp gắn với bảo vệ môi trường, ***cần thực hiện các giải pháp*** sau:

Thứ nhất, về công tác quy hoạch

Ở Đồng Tháp, công tác quy hoạch phát triển nông nghiệp đã được tiến hành từ lâu, nhưng nhìn chung vẫn còn nhiều hạn chế như: thiếu tính đồng bộ; quy hoạch còn nặng về tổ chức sản xuất chứ chưa chú ý nhiều đến việc gắn kết được sản xuất với bảo vệ môi trường; chỉ đạo thực hiện có nơi, có lúc còn chưa gắn với quy hoạch; quy hoạch còn chưa được cụ thể hóa thông qua các dự án để nhanh chóng thực hiện;... Từ đó đã gây nhiều tác động tiêu cực của sản xuất nông nghiệp đến môi trường.

Trước thực tế đó, trong công tác quy hoạch phát triển nông nghiệp của Tỉnh thời gian tới cần:

- Căn cứ vào lợi thế của từng vùng để bố trí, quy hoạch cho phù hợp;

- Phải gắn liền quy hoạch phát triển nông nghiệp với công tác bảo vệ môi trường nhằm phát triển nông nghiệp hiệu quả và bền vững;

- Theo dõi sự thay đổi của các điều kiện khách quan và chủ quan để kịp thời điều chỉnh quy hoạch phù hợp với tình hình thực tế;

- Đặc biệt quan tâm quy hoạch những vùng sản xuất hàng hoá tập trung.

Thứ hai, về công tác quản lý nhà nước

Nhà nước luôn đóng vai trò quan trọng trong việc thúc đẩy và đảm bảo cho sự phát triển bền vững của nền kinh tế nói chung và của khu vực nông nghiệp nói riêng. Do đó, để đảm bảo phát triển kinh tế nông nghiệp hiệu quả và bền vững, đồng thời bảo vệ được môi trường, cần tăng cường và đổi mới tổ chức quản lý nhà nước về phát triển kinh tế nông nghiệp. Cụ thể, cần tập trung:

- Quản lý vùng quy hoạch sản xuất, khai thác lợi thế so sánh từng vùng sinh thái nhằm nâng cao hiệu quả sản xuất, chất lượng sản phẩm. Đồng thời, phải thường xuyên giám sát, kiểm tra hiệu quả thực hiện quy hoạch nông nghiệp gắn với quy hoạch môi trường;

- Rà soát, bổ sung các chính sách, các văn bản pháp quy của tỉnh có liên quan quản lý về sản xuất nông nghiệp an toàn;

- Kiểm tra, hướng dẫn sản xuất đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm, quy trình nuôi trồng tiêu chuẩn hóa (SQF, GAP, CoC). Hướng dẫn nông dân sử dụng vật tư nông nghiệp, thức ăn chăn nuôi, nhất là các loại nguyên liệu vật tư mới, ít ảnh hưởng xấu đến môi trường. Kiểm soát chặt chẽ việc sử dụng thuốc trừ sâu và các loại hóa chất diệt cỏ chậm phân hủy. Nghiên cứu và phổ biến công nghệ sinh học phục vụ nông nghiệp;

- Nâng cao trình độ quản lý cho cán bộ địa phương về công tác bảo vệ môi trường;

- Nâng cao năng lực quan trắc phân tích môi trường;

- Tăng cường đầu tư hơn nữa cho phát triển kết cấu hạ tầng phục vụ phát triển kinh tế nông nghiệp một cách bền vững như: hệ thống giao thông, điện, trạm xá, trường học, hệ thống thủy nông,...

Thứ ba, tuyên truyền, nâng cao ý thức cộng đồng trong việc bảo vệ môi trường

⁽¹⁾ Báo cáo tình hình phát triển kinh tế-xã hội năm 2010 và kế hoạch năm 2011 của UBND tỉnh Đồng Tháp

Việc đề ra những biện pháp cho công tác bảo vệ môi trường là không khó mà khó nhất là ở khâu tổ chức thực hiện. Vì thế, khi mọi người đều có ý thức bảo vệ môi trường, xem đó là công việc, là trách nhiệm, là lợi ích của chính bản thân mình để cùng nhau thực hiện như một thói quen hàng ngày thì chắc chắn hiệu quả mang lại sẽ như mong muốn. Mục tiêu giải pháp này là tuyên truyền giáo dục, xây dựng thói quen, nếp sống và các phong trào quần chúng tham gia trong công tác bảo vệ môi trường. Muốn vậy cần:

- Tăng cường thông tin tuyên truyền, giáo dục trên các phương tiện đại chúng (đài phát thanh, truyền hình, báo chí,...); tổ chức các hội thảo khoa học, hội nghị phổ biến các kết quả nghiên cứu, kinh nghiệm cải tạo ô nhiễm môi trường và phòng ngừa ô nhiễm môi trường;... cho các địa phương và toàn thể nhân dân biết để nâng cao trách nhiệm bảo vệ môi trường.

- Thường xuyên bổ sung số liệu về thực trạng ô nhiễm môi trường đất, nước, không khí...; các thông số môi trường trong niên giám của Tỉnh để thuận tiện cho việc theo dõi, đánh giá và nhắc nhở nhân dân có trách nhiệm bảo vệ môi trường.

Thứ tư, về khoa học - công nghệ (KHCCN)

KHCCN đang được coi là khâu có tính then chốt nhất trong chiến lược phát triển bền vững ngành nông nghiệp. Văn kiện Hội nghị lần thứ năm BCH TƯ Đảng khóa IX đã khẳng định: KHCCN "là khâu đột phá quan trọng nhất để thúc đẩy phát triển nông nghiệp".

Để đẩy mạnh phát triển kinh tế nông nghiệp gắn với bảo vệ môi trường, chúng ta cần có những bước đi thích hợp, cần tích cực đầu tư và nghiên cứu, áp dụng những tiến bộ KHCCN mới, những phương pháp sản xuất tiên tiến và những mô hình sản xuất thân thiện với môi trường vào quá trình sản xuất nông nghiệp nhằm giảm thiểu những chất độc hại (thuốc bảo vệ thực vật, thuốc

trừ sâu,...) gây tác hại đến môi trường.

Thứ năm, về đào tạo nguồn nhân lực

Đây là giải pháp vừa cấp bách, vừa lâu dài và phải giải quyết qua nhiều thế hệ. Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực không chỉ là động lực mà còn là mục tiêu của phát triển kinh tế nông nghiệp. Vì thế, về lâu dài, để phát triển nông nghiệp một cách bền vững, cần nâng cao chất lượng nguồn nhân lực. Đặc biệt, để thực hiện mục tiêu phát triển kinh tế nông nghiệp gắn với bảo vệ môi trường, trong thời gian tới, tỉnh Đồng Tháp cần:

- Tiếp tục đào tạo, bổ sung cán bộ có trình độ chuyên môn, nghiệp vụ ở các lĩnh vực trồng trọt, chăn nuôi, thủy sản, lâm nghiệp, thủy lợi, môi trường và các ngành nghề khác có liên quan ở tất cả các cấp, các ngành;

- Tăng cường tập huấn, mở các lớp huấn luyện cho nông dân thông qua chương trình khuyến nông, khuyến ngư, các trung tâm giáo dục cộng đồng để hướng nghiệp, nâng cao trình độ lao động và nhận thức bảo vệ môi trường trong sản xuất.

Thứ sáu, xã hội hóa đầu tư bảo vệ môi trường

Bảo vệ môi trường là quyền lợi và nghĩa vụ đối với mọi tầng lớp nhân dân. Do vậy, nếu làm tốt việc xã hội hóa công tác bảo vệ môi trường sẽ góp phần tạo phong trào thi đua, tạo động lực lớn, đem lại hiệu quả tích cực trong việc bảo vệ môi trường. Muốn vậy, cần:

- Nghiên cứu ban hành các chính sách và cơ chế huy động thích hợp mọi nguồn lực trong cộng đồng để bảo vệ môi trường;

- Phát động các phong trào quần chúng tham gia vào công tác bảo vệ môi trường;

- Thành lập quỹ để đầu tư các dự án bảo vệ môi trường trong nông nghiệp;

- Thông qua sự đóng góp của nhân dân, của các doanh nghiệp, của các nhà tài trợ trong và ngoài nước, của các tổ chức phi chính phủ. □